TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2026/DS-PT
Ngày: 06/3/2026

V/v:"Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025; về việc: "*Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 500/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Xuân K, sinh năm 1979; trú tại: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, Bình Định); có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm 1965; có mặt.

2. Anh Phan Xuân T, sinh năm 1990; có mặt.

Cùng trú tại: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định).

3. Chị Phan Thị Xuân T1, sinh năm 1989; trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định) có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T1: Anh Phan Xuân T; trú tại: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Xuân V, sinh năm 1973; trú tại: Thôn A, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên – hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ1.

2. Chị Phan Thị Xuân V1, sinh năm 1975; trú tại: Số A T, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Số A T, phường G, thành phố Q, Bình Định);

Người đại diện theo uỷ quyền của chị V1 là: Anh Phan Xuân K sinh năm 1979; trú tại: sinh năm 1979; trú tại: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Lô A- 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, Bình Định.

3. Anh Phan Xuân N, sinh năm 1977; trú tại: Lô E, tổ B, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Lô E, tổ B, khu V, phường N, thành phố Q, Bình Định).

Người đại diện theo uỷ quyền của anh N là: anh Phan Xuân K sinh năm 1979; trú tại: sinh năm 1979; trú tại: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, Bình Định).

4. Chị Phan Thị Xuân T1, sinh năm 1983; trú tại: Grote S 81-3440 Z - B, B.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T1 là: Anh Phan Xuân K sinh năm 1979; trú tại: sinh năm 1979; trú tại: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Lô A - 25 Khu đô thị M (Khu B), tổ C, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, Bình Định).

5. Chị Phan Thị Xuân T2, sinh năm 1981; trú tại: V; vắng mặt.

6. Chị Phan Thị Xuân P, sinh năm 1989; trú tại: V; vắng mặt.

7. Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Gia Lai (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định); địa chỉ trụ sở: Số B đường D, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình V2 - chức vụ: Phó trưởng phòng Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

8. Công ty cổ phần B2; Địa chỉ trụ sở: Ô, Lô B- B09 Đường N, Khu T, Xã C, Huyện V, tỉnh Bình Định (nay là xã C, tỉnh Gia Lai).

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Văn Phạm Minh N1 – chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt.

9. Chị Trần Thị Ngọc T3, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định).

10. Cháu Phan Trần Anh K1, sinh năm 2018 và Cháu Phan Trần Hải Đ, sinh năm 2020; cùng địa chỉ: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. (địa chỉ cũ: Đường Đ, xóm C, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định).

Người đại diện hợp pháp của cháu K1, cháu Đ là: Anh Phan Xuân T và chị Trần Thị Ngọc T3; cùng địa chỉ: Đường Đ, xóm C thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định là cha mẹ đẻ.

Người kháng cáo: bị đơn bà Trương Thị L và anh Phan Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phan Xuân K *trình bày:*

Ông Phan Xuân Ú (chết năm 2015) và bà Nguyễn Thị B1, có 09 người con gồm: Phan Xuân V, Phan Thị Xuân V1, Phan Xuân N, Phan Xuân K, Phan Thị Xuân T2, Phan Xuân Ý (chết năm 1982, chưa có gia đình), Phan Thị Xuân T4, Phan Xuân D (chết năm 2001, chưa có gia đình), Phan Thị Xuân P. Ngày 30/11/2006 ông Ú và bà B1 ly hôn, sau đó ông Phan Xuân Ú chung sống như vợ chồng với bà Trương Thị L và có 02 người con chung là: Phan Xuân T5, Phan Thị Xuân T1.

Năm 2000 ông Ú có mua lô đất lâm nghiệp có diện tích 45.600m^2 tại Tiểu khu C thuộc xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01817QSDĐ/M4 ngày 06/10/2000 do UBND huyện V cấp đứng tên ông Phan Xuân Ú. Theo bản án ly hôn giữa ông Ú và bà B1 số 308/2006/HNGĐ-ST ngày 30/11/2006 của TAND thành phố Quy Nhơn thì ông Ú được chia lô đất Lâm nghiệp này. Thửa đất hiện đang bị thu hồi để làm dự án Khu tái định cư - thuộc khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A thuộc phân khu 7. Hiện nay bà Trương Thị L (vợ sau ông Ú) nhận tiền bồi thường và làm thủ tục nhận đất tái định cư nhưng không chia cho các hàng thừa kế khác nên anh Phan Xuân K là con ông Ú làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông Phan Xuân Ú để lại gồm:

1. Chia thừa kế tổng số tiền bồi thường từ việc thu hồi đất của ông Ú là 5.136.548.581 đồng.

2. Chia thừa kế phần diện tích đất còn lại 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm sau khi Nhà nước đã thu hồi một phần thửa đất số 117, tờ bản đồ số 6 tại Tiểu khu C thuộc xã C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

3. Chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ diện tích đất tái định cư nhà nước đã cấp cho chủ đất ông Phan Xuân Ú là 2.400m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Công ty cổ phần B2 chỉ mới giao cho bà L 150m^2, còn lại 2.250m^2 chưa giao).

- Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trương Thị L *trình bày*:

Năm 1985 bà quen ông Phan Xuân Ú và sống như vợ chồng với ông Ú, bà với ông Ú có 02 con chung là Phan Thị Xuân T1, sinh năm 1987 và Phan Xuân T sinh năm 1988. Năm 1997 gia đình bà lên xóm C, thôn T, xã C, huyện V mua đất xây nhà lập nghiệp và khai hoang. Năm 2005 vợ ông Ú và các con ông Ú ngược đãi ông Ú, đánh đập và bắt trói ông Ú, năm 2006 ông Ú và bà B1 (vợ ông Ú) ly hôn có đề cập đến mảnh đất đang tranh chấp của gia đình bà và chấp nhận chia cho bà B1 ½ thửa đất, phần đất còn lại do gia đình bà quản lý sử dụng. Nay ông K yêu cầu chia lần 02 thửa đất này bà không đồng ý .

Năm 2012 ông Ú mang hết tiền bạc về quê X, Sông C, Phú Yên sinh sống để lại mảnh đất bà và các con canh tác, con trai bà anh T đi làm kiếm tiền mua cây cối, hoa màu canh tác trồng trọt trên đất nên tất cả các tài sản trên đất là của con trai Phan Xuân T một mình làm ra hết. Đất tái định cư 2400m^2 là cấp cho gia đình bà vì gia đình bà sinh sống trên thửa đất này. Riêng 150m^2 đất bà L đã nhận là ưu tiên cấp cho hộ gia đình đang sinh sống trên đất gồm: Bà Trương Thị L, anh Phan Xuân T, chị Trần Thị Ngọc T3 (vợ anh T); cháu Phan Trần Anh K1 (con anh T, chị T3 còn nhỏ chưa thành niên), cháu Phan Trần Hải Đ (con anh T, chị T3 còn nhỏ chưa thành niên)

Do đó, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh K.

- Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phan Xuân T *(đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn chị* Phan Thị Xuân T1*) thống nhất trình bày*:

Cha anh là ông Phan Xuân Ú (sinh năm 1947, chết năm 2015) có 02 người vợ đều không đăng ký kết hôn, đến năm 2009 thì cha anh đăng ký kết hôn với mẹ anh là bà Trương Thị L, năm 1997 gia đình anh lập nghiệp và sinh sống tại thửa đất 117, tờ bản đồ số 6, tiểu khu C tại xã C.

Khoản năm 2002 cha anh về thăm nhà E N, thành phố Q thì ông K và các anh chị em của ông K đã ngược đãi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của cha anh đã có bản án xét xử của tòa án nên những người này không được hưởng thừa kế tài sản của cha anh.

Năm 2006 cha anh ly hôn với bà B1 mẹ anh K tòa đã chia ½ thửa đất gia đình đang sinh sống cho bà B1, nên phần còn lại là tài sản chung của cha mẹ anh (ông Ú, bà L).

Năm 2012 cha anh khai thác keo lấy hết tài sản chung của gia đình về quê tỉnh Phú Yên sinh sống. Từ đó đến nay anh là người bỏ tiền ra trồng các cây cối, hoa màu, diện tích thực tế theo sổ ông Ú là 45.000m^2 trừ diện tích mồ mã 596m^2, phần tăng thực tế so với sổ đỏ là do anh và mẹ anh khai hoang.

Hộ gia đình anh giải tỏa trắng nên được giao 01 lô đất tái định cư riêng cho gia đình anh 150m^2 phần này anh K không có quyền can thiệp, số tiền bồi thường anh K yêu cầu chia là không hợp tình, hợp lý vì số tiền này gia đình anh làm ra.

- Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc T3 *trình bày:* Chị là vợ anh T nên chị thống nhất với lời khai anh T.

- Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Xuân V *trình bày tại bản tự khai ngày 09/4/2025:* Anh thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi tòa chia thừa kế phần của anh được bao nhiêu thì anh chỉ lấy 50/% còn lại 50% giao lại cho anh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Xuân V1 *do anh* Phan Xuân K *đại diện theo ủy quyền trình bày*: Theo nội dung Giấy ủy quyền công chứng ngày 31/10/2024 chị V1 trình bày thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi tòa chia thừa kế phần của chị được bao nhiêu thì chị giao hết cho anh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Xuân N *do anh* Phan Xuân K *đại diện theo ủy quyền trình bày:* Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025 anh N trình bày thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi tòa chia thừa kế phần của anh được bao nhiêu thì anh tặng cho anh K 50/%, còn lại 50% anh tạm giao lại cho anh K quản lý sử dụng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Xuân T4 *do anh* Phan Xuân K *đại diện theo ủy quyền trình bày:* Theo nội dung Giấy ủy quyền công chứng ngày 28/12/2024 chị T4 trình bày thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi tòa chia thừa kế phần của chị được bao nhiêu thì chị cho hết cho anh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Xuân T2*,* Phan Thị Xuân P *đang sinh sống tại* V *nhưng các đương sự không cung cấp được địa chỉ nên tòa án không lấy được lời khai.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Gia Lai (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định) trình bày:

Thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư - thuộc khu công nghiệp - thuộc phân khu 7, Khu K, hộ ông Phan Xuân Ú (chết), vợ Trương Thị L có địa chỉ tại thôn T , xã C bị thu hồi thửa đất số 117, tờ bản đồ số 6, loại đất CLN, tổng diện tích thửa đất 56.123,6m^2, diện tích thu hồi 48.501,9m^2 diện tích còn lại 7.621,7m^2.

Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã C tại văn bản số 191/UBND ngày 06/7/2023 và văn bản số 197/UBND ngày 10/7/2023 *"Hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2000 tại thửa đất số thuộc* tiểu khu C. *Với diện tích 45.000m^2 đất trồng cây lâu năm. Theo bản án số 04//DSST ngày 29/8/2001 của TAND huyện Vân Canh, ông* Phan Xuân Ú *được quyền sở hữu sử dụng 45.000m^2 trừ diện tích 569m^2 có mồ mả, do đó diện tích tăng 11.692,6m^2 là hộ khai hoang một phần diện tích thửa đất diện tích thửa đất số 87 tờ bản đồ số 4 sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 đến nay, hiện trạng trồng rừng sản xuất (phần diện tích thu hồi trong quy hoạch 48.501,9m^2). Trong*

đó: Diện tích cấp GCNQSD đất 44.431m², trên phần diện tích này hộ xây dựng nhà ở trong khoản thời gian sau năm 1993 và trước ngày 01/7/2004, công trình phụ để phục vụ sinh hoạt xây dựng năm 2006 và diện tích khai hoang 4.070,9m²). Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Hộ có 5 nhân khẩu, hộ không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã C*"*

Từ cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã C, đối chiếu với các quy định hiện hành, Ban GPMB tỉnh đã tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ Phan Xuân Ú, vợ Trương Thị L và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2919/QD-UBND ngày 04/8/2023 với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 5.136.548.581 đồng, trong đó gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 4.327.176.420 đồng; Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa vật kiến trúc 601.013.201 đồng; Bồi thường cây cối, hoa màu 189.958.960 đồng; các khoản hộ trợ khác 11.400.000 đồng; thưởng đẩy nhanh tiến độ mặt bằng 7.000.000 đồng.

Về giao đất tái định cư thì hộ không đủ điều kiện giao đất tái định cư vì không bị thu hồi đất ở. Tuy nhiên, theo xác nhận của UBND xã C, hiện nay ngoài thửa đất bị giải tỏa hộ không còn nơi ở nào khác, do đó Hội đồng thống nhất xét giao cho hộ 01 lô tái định cư có diện tích 150m² tại Khu tái định cư -. Tiền sử dụng đất hộ phải nộp cho Công ty Cổ phần B2 xem xét quyết định.

Ngày 20/6/2024 bà Trương Thị L cùng với con trai là Phan Xuân T đã ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và đồng thời ký giấy cam đoan với nội dung *"Tôi xin được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 5.136.548.000 đồng tại thửa đất bị thu hồi không ai tranh chấp nếu xảy ra tranh chấp thì tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"*.

Về nội dung giao đất nền đây là chính sách hỗ trợ riêng của nhà đầu tư là Công ty cổ phần B2.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* Công ty cổ phần B2 *trình bày:*

Về cấp đất tái định cư: Thực hiện Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh B vào ngày 05/7/2024 công ty đã phối hợp với tổ công tác tổ chức bốc thăm và bàn giao lô đất tái định cư cho hộ ông Phan Xuân Ú (chết), vợ Trương Thị L tại lô đất số 47, ô đất A17, diện tích 150m². Hộ đã nộp tiền với đơn giá 1.000.000 đồng/m²

Về đất tái định cư hỗ trợ: Thực hiện theo chính sách hỗ trợ của công ty, hộ ông Phan Xuân Ú (chết), vợ Trương Thị L thu hồi đất nông nghiệp với diện tích 48.501,9m², hộ được Công ty bán hỗ trợ đất ở với diện tích 2.250m². Hộ đã nộp tiền với đơn giá 1.000.000 đồng/m². Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/6/2024 giữa Công ty và hộ dân, diện tích này chưa tổ chức bốc thăm, bàn giao đất ngoài thực địa.

Công ty cổ phần B2 đề nghị giải quyết theo thẩm quyền.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Xuân K về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Phan Xuân Ú.

2. Công ty cổ phần B2 có nghĩa vụ giao cho anh Phan Xuân K 1.050m^2 đất tái định cư; giao cho chị Phan Thị Xuân P 350m^2 đất tái định cư; giao cho chị Phan Thị Xuân T1 350m^2 đất tái định cư; giao cho bà Trương Thị L 200m^2 đất tái định cư; giao cho anh Phan Xuân T 300m^2 đất tái định cư tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp - thuộc xã C, tỉnh Gia Lai.

3. Giao cho bà Trương Thị L 150m^2 đất Khu tái định cư – Dân cư tại Khu công nghiệp - mà bà L đã nhận tại lô đất số 47, ô đất A17 theo biên bản bàn giao mốc giới ngoài thực địa ngày 05/7/2024.

4. Giao cho anh Phan Xuân T 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm tại xã C, tỉnh Gia Lai. Hiện nay do anh T đang quản lý sử dụng, trên đất có tài sản của anh T cây keo lai 2-3 năm tuổi (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Bà Trương Thị L có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Xuân K 813.997.320 đồng, thối lại chị Phan Thị Xuân P 271.332.440 đồng; thối lại cho chị Phan Thị Xuân T1 249.688.380đồng.

6. Anh Phan Xuân T có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Xuân T1 21.644.059 đồng.

7. Sau khi nhận được tài sản anh K giao lại cho anh V 310.666.220 đồng và giao lại cho anh N 310.666.220 đồng khi anh N yêu cầu.

8. Tạm giao phần thừa kế của chị Phan Thị Xuân P cho anh Phan Xuân K quản lý vì chưa tìm được địa chỉ của chị P đang định cư tại V, anh K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để được nhận và quản lý tài sản của chị P.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2025, bà *Trương Thị L* và anh *Phan Xuân T* có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị L và anh Phan Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của bà Trương Thị L và anh Phan Xuân T; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Hàng thừa kế:

Ông Phan Xuân Ú sinh năm 1947, chết năm 2015 không để lại di chúc, cha mẹ ông Ú đều chết trước ông Ú; ông Ú có vợ là bà Nguyễn Thị B1, vợ chồng ông Ú bà B1 có 09 người con chung gồm: Phan Xuân V, Phan Thị Xuân V1, Phan Xuân N, Phan Xuân K, Phan Thị Xuân T2, Phan Xuân Ý (chết năm 1982, chưa có gia đình), Phan Thị Xuân T4, Phan Xuân D (chết năm 2001, chưa có gia đình),

Phan Thị Xuân P. Ngày 30/11/2006 ông Ú và bà B1 ly hôn và chia tài sản chung theo bản án số 308/2006/HNGĐ-ST ngày 30/11/2006 của TAND thành phố Quy Nhơn.

Ông Phan Xuân Ú có quan hệ tình cảm với bà Trương Thị L1 từ trước năm 1990 sau khi ông Ú với bà B1 ly hôn năm 2006 thì ông Ú kết hôn với bà L ngày 28/5/2009, ông Ú với bà L có 02 người con chung gồm: anh Phan Xuân T, sinh năm 1990 và chị Phan Thị Xuân T1, sinh năm 1989.

Do đó, tại thời điểm mở thừa kế năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ú theo quy định pháp luật gồm 10 người: Anh Phan Xuân V, chị Phan Thị Xuân V1, anh Phan Xuân N, anh Phan Xuân K, chị Phan Thị Xuân T2, chị Phan Thị Xuân T4, chị Phan Thị Xuân P, bà Trương Thị L, anh Phan Xuân T, chị Phan Thị Xuân T1. Tuy nhiên, theo bản án hình sự số 148/2006/HSST ngày 06/11/2006 đã xét xử anh Phan Xuân K, chị Phan Thị Xuân T2, chị Phan Thị Xuân T4 phạm tội bắt giữ người trái pháp luật đối với bị hại ông Phan Xuân Ú (vì xuất phát từ việc ông Ú đã có vợ nhưng chung sống như vợ chồng với bà Trương Thị L và ông Ú thường về nhà xúc phạm, đánh vợ con) nên hành vi của anh K, chị T2, chị T4 xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân, danh dự, nhân phẩm người để lại di sản nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì anh Phan Xuân K, chị Phan Thị Xuân T2, chị Phan Thị Xuân T4 không được quyền hưởng di sản của ông Ú để lại.

[2] Di sản thừa kế:

Lô đất lâm nghiệp diện tích 45.000m^2, tiểu khu C xã C, huyện V, tỉnh Bình Định được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01817QSDĐ/M4 ngày 06/10/2000 đứng tên hộ ông Phan Xuân Ú. Năm 2006 ông Ú với bà B1 ly hôn và chia tài sản chung, căn cứ theo bản án đã có hiệu lực số 308/2006/HNGĐ-ST ngày 30/11/2006 của TAND thành phố Quy Nhơn công nhận lô đất này là tài sản chung của vợ chồng bà B1 ông Ú và bản án giao cho ông Ú được toàn quyền quyết định đối với Lô đất lâm nghiệp tại xã C, huyện V đứng tên ông Phan Xuân Ú, cũng tại bản án số 308 bà Trương Thị L với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày (BL 13)*"Lô đất lâm nghiệp tại* xã C, huyện V *đứng tên ông* Phan Xuân Ú *là của ông* Ú*, bà không yêu cầu gì"*. Ngoài ra, tại Công văn số 15/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 05/3/2025 của Trung tâm phát triển Quỹ đất (BL 111) gửi cho Tòa án đã xác định *"Căn cứ theo xác nhận nguồn gốc đất của* UBND xã C *thì ông* Ú *được quyền sử dụng và sở hữu 45.000m^2 trừ diện tích 569m^2 đất có mồ mã"*. Do đó, Lô đất lâm nghiệp diện tích 45.000m^2, tiểu khu C xã C, huyện V, tỉnh Bình Định trừ diện tích 569m^2 đất có mồ mã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01817QSDĐ/M4 ngày 06/10/2000 là di sản của ông Ú chết để lại chưa chia. Bà L cho rằng Lô đất lâm nghiệp này là tài sản chung của vợ chồng bà với ông Ú, nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh ông Ú đã làm thủ tục nhập tài sản của ông Ú thành tài sản chung của ông Ú với bà theo quy định pháp luật.

Thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư - thuộc khu công nghiệp - thuộc phân khu 7, Khu K, thu hồi thửa đất số 117, tờ

bản đồ số 6, loại đất CLN, tổng diện tích thửa đất thực tế là 56.123,6m^2, diện tích thu hồi 48.501,9m^2 diện tích còn lại 7.621,7m^2.

Theo Công văn số 15/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 05/3/2025 của Trung tâm phát triển Quỹ đất và tại Bảng chiết tính giá trị bồi thường ngày 01/8/2023 của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh B (BL 42) thì ông phan Xuân Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2000 tại thửa đất số thuộc tiểu khu C với diện tích 45.000m^2 đất trồng cây lâu năm (CLN) trừ diện tích 569m^2 có mồ mả, diện tích được cấp 44.431m^2. Thực tế khi đo đạt Theo hồ sơ kỹ thuật năm 2022 là thửa 117, mảnh trích đo bản đồ địa chính số 06 – phục vụ giải phóng bồi thường Becamex (đã được các bên đương sự thống nhất tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2025 của TAND tỉnh Bình Định) thì thửa đất có diện tích thực tế 56.123,6m^2 (diện tích được cấp 44.431m2), diện tích tăng thêm 11.692,6m^2 là đất khai hoang được chính quyền địa phương xác định sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004. Theo bản án số 308/2006/HNGĐ-ST ngày 30/11/2006 của TAND thành phố Quy Nhơn nhận định trước khi ly hôn năm 2006 thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng ông Ú, bà B1, trong bản án bà L trình bày cũng không có yêu cầu gì đối với thửa đất này nên có cơ sở để khẳng định trước năm 2006 gia đình bà L không liên quan gì đến thửa đất này. Vì vậy 11.692,6m^2 đất khai hoang trước năm 2006 là của ông Ú được chính quyền địa phương xác định sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 và được đền bù giống như giá đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đất khai hoang của ông Ú được thừa nhận là hợp pháp được chia cho các thừa kế. Do đó, toàn bộ diện tích đất thực tế 56.123,6m^2 là di sản của ông Ú chết để lại chưa chia (đã thu hồi 48.501,9m^2, còn lại 7.621,7m^2 gia đình bà L đang quản lý sử dụng). Gia đình bà L chỉ được tính công sức gìn giữ, bảo quản và tôn tạo di sản.

Thực hiện công tác thu hồi đất Ban giải phóng mặt bằng tỉnh đã tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích bị thu hồi 48.501,9m^2 đất trồng cây lâu năm và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2919/QD-UBND ngày 04/8/2023 với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 5.136.548.581 đồng, trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 4.327.176.420 đồng; Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa vật kiến trúc 601.013.201 đồng; Bồi thường cây cối, hoa màu 189.958.960 đồng; các khoản hỗ trợ khác 11.400.000 đồng; thưởng đẩy nhanh tiến độ mặt bằng 7.000.000 đồng.

- Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ nhà cửa vật kiến trúc 601.013.201 đồng được Ban giải phóng mặt bằng xác định giá trị bồi thường xây dựng từ năm 1993 đến năm 2004, tại Bảng tự kê bà L khai xây năm 2005 và bà L thừa nhận nhà này là tài sản chung của bà với ông Ú, nên ngôi nhà là tài sản chung của bà L và ông Ú mỗi người được sở hữu ½ là 300.506.600 đồng; đối với số tiền bồi thường cây cối, hoa màu 189.958.960 đồng theo bảng tính giá trị bồi thường thì đây là những cây mới trồng khoản 2-3 năm tuổi nên không phải là di sản của ông Ú.

- Đối với khoản tiền hỗ trợ khác 11.400.000 đồng (nước sinh hoạt trong thời gian 05 năm đầu); thưởng đẩy nhanh tiến độ mặt bằng 7.000.000 đồng) không phải di sản của ông Ú.

Về hỗ trợ cấp đất tái định cư tổng cộng 2.400m^2 có nộp tiền sử dụng đất với đơn giá 1.000.000đồng/m^2. Hiện nay 2.400m^2 đất ở tái định cư chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Công ty cổ phần B2 chỉ mới giao cho bà L 150m^2 tại lô đất số 47, ô đất A17, còn lại 2.250m^2 chưa giao). Ngày 20/6/2024 bà Trương Thị L và con trai Phan Xuân T đã ký nhận tiền bồi thường 5.136.548.581 đồng tại Ban giải phóng mặt bằng và cùng ngày 20/6/2024, bà Trương Thị L dùng số tiền nhận được của ông Ú để đóng cho Công ty cổ phần B2 2.400.000.000 đồng. Đất tái định cư là chính sách hỗ trợ cho ông Ú có đất bị thu hồi 2.250m^2 còn 150m^2 tại lô đất số 47, ô đất A17 Công ty cổ phần B2 đã giao cho hộ bà L không có chỗ ở nào khác theo xác nhận của chính quyền địa phương nên đây là đất giao cho hộ bà L không phải hỗ trợ cho ông Ú có đất bị thu hồi, do đó đất tái định cư di sản của ông Ú là 2.250m^2.

* Như vậy di sản của ông Ú để lại gồm có:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất: 4.327.176.420 đồng, tiền bồi thường, hỗ trợ nhà cửa vật kiến trúc 300.506.600 đồng, tổng cổng 4.627.683.020 đồng. Bà L đã dùng 2.250.000.000 đồng để đóng tiền đất tái định cư (2.400.000.000 - 150.000.000 đồng nộp lô đất 150m^2 hộ bà L) còn lại 2.377.683.020 đồng bà L đang giữ.

- Đất tái định cư 2.250m^2 tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp - trị giá 2.250.000.000 đồng là di sản ông Ú (được mua bằng tiền bồi thường của ông Ú 2.250.000.000 đồng).

- Đất trồng cây lâu năm 7.621,7m^2 còn lại anh T đang quản lý sử dụng trị giá 342.976.500 đồng là di sản ông Ú (theo biên bản định giá ngày 17/4/2025 của TAND tỉnh Bình Định; trên đất có trồng cây keo lai 2-3 năm tuổi sau khi ông Ú chết là tài sản của anh T).

Như vậy tổng giá trị di sản ông Ú để lại là 4.970.659.520 đồng.

[3] Phân chia di sản thừa kế theo giá trị:

Từ khi ông Ú chết năm 2015, bà L (vợ ông Ú) là người quản lý toàn bộ di sản và sinh sống trên thửa đất này nên cần trích cho bà L công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế tương đương với một kỷ phần đối với di sản ông Ú để lại, được tính thành tiền là 621.332.440 đồng.

Sau khi trừ đi công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế thì di sản của ông Ú còn lại 4.349.327.080 đồng chia đều cho các thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế của ông Ú gồm có 07 người: Anh Phan Xuân V, chị Phan Thị Xuân V1, anh Phan Xuân N, chị Phan Thị Xuân P, bà Trương Thị L, anh Phan Xuân T, chị Phan Thị Xuân T1, mỗi người đều được hưởng 621.332.440 đồng (4.349.327.080 đồng/7). Riêng bà Trương Thị L được nhận 1.242.664.880 đồng (Trong đó thừa kế 621.332.440 đồng và công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản 621.332.440 đồng).

[3.1] Phân chia di sản thừa kế theo hiện vật 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm còn lại và 2.250m^2 đất tái định cư tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp -:

- Đối với 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm còn lại hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng trên đất có tài sản của anh T cây keo lai 2-3 năm tuổi và đây là đất nông nghiệp nên giao cho anh T là nhân khẩu nông nghiệp tại địa phương tiếp tục quản lý sử dụng.

- Đối với 2.250m^2 đất tái định cư tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp - được chia cho các đồng thừa kế gồm 07 người: trong đó anh Phan Xuân V, chị Phan Thị Xuân V1, anh Phan Xuân N, chị Phan Thị Xuân P, bà Trương Thị L, chị Phan Thị Xuân T1 mỗi người được nhận 321,428m^2 để đảm bảo công tác thi hành án không thể chia đều theo số lẻ cho các thừa kế nên giao cho: anh Phan Xuân K 965m^2, chị Phan Thị Xuân P 320m^2, chị Phan Thị Xuân T1 320m^2, bà Trương Thị L 325m^2, anh Phan Xuân T 320m^2 đất tái định cư tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp - thuộc xã C, tỉnh Gia Lai.

[3.2] Ngày 17/8/2023 bà L viết Giấy cam đoan gửi UBND xã C và Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định xin được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 5.136.548.581 đồng và cam kết nếu xảy ra tranh chấp giữa bà và các đồng thừa kế thì bà xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 20/6/2024 bà L đã ký nhận số tiền 5.136.548.581 đồng tại Ban giải phóng mặt bằng và cùng ngày bà L dùng số tiền nhận được để đóng cho Công ty cổ phần B2 2.250.000.000 đồng (Trừ đi 150.000.000 đồng nộp lô đất 150m^2 hộ bà L) bà L còn giữ lại số tiền 2.3777.683.020 đồng là di sản của ông Ú.

Bà L nhận 350m^2 đất tái định cư giá trị 350.000.000 đồng nên bà L thực nhận 2.702.683.020 đồng nhưng bà L chỉ được chia thừa kế và công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản 1.242.664.880đồng. Nên bà L có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch phần được nhận cho các thừa kế khác 1.460.017.140 đồng.

Đối với anh T nhận 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm trị giá 342.976.500 đồng và nhận 320m^2 đất tái định cư giá trị 320.000.000 đồng nên anh T thực nhận 662.976.500 đồng nhưng anh T chỉ được chia thừa kế 621.332.440 đồng nên anh T có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch phần được nhận cho các thừa kế khác 41.644.059 đồng.

Cụ thể: Bà L, anh T có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch phần được nhận cho các thừa kế khác như sau:

- Bà L có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Xuân V, chị Phan Thị Xuân V1, anh Phan Xuân N 898.997.000 đồng, chị Phan Thị Xuân P 301.332.000 đồng, thối lại cho chị Phan Thị Xuân T1 259.688.000 đồng.

- Anh T có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Xuân T1 41.644.000 đồng.

[3.3] Theo nguyện vọng của anh Phan Xuân V sau khi tòa chia thừa kế phần của anh được bao nhiêu thì anh chỉ lấy 50/% còn lại 50% giao lại cho anh K nên anh K được nhận toàn bộ phần thừa kế của anh V và anh K giao lại cho anh V 310.666.220 đồng.

Theo nguyện vọng của anh Phan Xuân N sau khi tòa chia thừa kế phần của anh được bao nhiêu thì anh tặng cho anh K 50/%, còn lại 50% anh tạm thời giao lại cho anh K quản lý sử dụng, nên anh K được nhận toàn bộ phần thừa kế của anh N và anh K có trách nhiệm giao lại cho anh N 310.666.220 đồng khi anh N yêu cầu.

Theo nguyện vọng của chị Phan Thị Xuân V1 sau khi tòa chia thừa kế phần của chị được bao nhiêu thì chị giao hết cho anh K nên anh K được nhận toàn bộ phần thừa kế của chị V1.

Chị Phan Thị Xuân P hiện nay đang cư trú tại V nhưng không xác định được địa chỉ. Do đó áp dụng Án Lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tạm giao phần thừa kế của chị P cho anh K quản lý để sau này giao lại cho chi P, anh K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để được nhận quản lý tài sản của chị P.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị L và anh Phan Xuân T; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trương Thị L được miễn án phí dân sự sơ phúc thẩm; anh Phan Xuân V, chị Phan Thị Xuân V1, anh Phan Xuân N, chị Phan Thị Xuân P, anh Phan Xuân T, chị Phan Thị Xuân T1 mỗi người phải chịu 28.853.298 đồng. Anh K được nhận ½ tài sản của anh V, anh N nên anh K phải chịu ½ án phí của anh V, anh N; anh K nhận toàn bộ phần thừa kế của chị V1 nên anh K phải chịu án phí của chị V1; anh Phan Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 611, 612, 613, 621, 623, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 06/4/2016; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2018; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị L và anh Phan Xuân T và sửa Bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Xuân K về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Phan Xuân Ú.

2. Công ty cổ phần B2 có nghĩa vụ giao cho: anh Phan Xuân K 965m^2 đất tái định cư; chị Phan Thị Xuân P 320m^2 đất tái định cư; chị Phan Thị Xuân T1 320m^2 đất tái định cư; bà Trương Thị L 325m^2 đất tái định cư; anh Phan Xuân T 320m^2 đất tái định cư tại Khu tái định cư - tại Khu công nghiệp - thuộc xã C, tỉnh Gia Lai.

3. Giao cho anh Phan Xuân T 7.621,7m^2 đất trồng cây lâu năm tại xã C, tỉnh Gia Lai. Hiện nay do anh T đang quản lý sử dụng, trên đất có tài sản của anh T cây keo lai 2-3 năm tuổi (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Bà Trương Thị L có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Xuân K 898.997.000 (T6 trăm chín mươi tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn) đồng, thối lại cho chị Phan Thị Xuân P 301.332.000 (Ba trăm lẻ một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng, thối lại cho chị Phan Thị Xuân T1 259.688.000 (Hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng

5. Anh Phan Xuân T có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Xuân T1 41.644.000 (Bốn mươi một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

6. Tạm giao phần thừa kế của chị Phan Thị Xuân P cho anh Phan Xuân K quản lý vì chưa tìm được địa chỉ của chị P đang định cư tại V, anh K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để được nhận và quản lý tài sản của chị P.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 7.000.000 đồng. bà Trương Thị L, anh Phan Xuân T, chị Phan Thị Xuân T1, chị Phan Thị Xuân P mỗi người phải chịu 1.000.000đồng; anh Phan Xuân V, anh Phan Xuân N mỗi người phải chịu 500.000 đồng; anh Phan Xuân K phải chịu 2.000.000 đồng (do anh K được tặng cho tài sản). Anh K đã tạm ứng đủ nên bà L, anh T, chị T1, chị P mỗi người hoàn trả cho anh K 1.000.000 đồng, anh V, anh N mỗi người phải hoàn trả cho anh K 500.000 đồng.

8. Về án phí:

8.1 Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị L được miễn nộp.

- Chị Phan Thị Xuân P, anh Phan Xuân T, chị Phan Thị Xuân T1 mỗi người phải chịu 28.853.298 đồng.

- Anh Phan Xuân V, anh Phan Xuân N mỗi người phải chịu 14.426.649 đồng.

- Anh Phan Xuân K phải chịu 57.706.595 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001976 ngày 23/9/2024

và 40.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002093 ngày 11/02/2025 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Định. Còn phải hoàn lại cho anh K 3.293.404 đồng.

8.2 Về án phí Dân sự phúc thẩm:

- Bà Trương Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- H lại cho anh Phan Xuân T 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002020 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

9. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường